

Bản án số: 78/2024/DS-ST

Ngày 22 - 8 - 2024

V/v "Tranh chấp hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng"

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN HẢI CHÂU - TP. ĐÀ NẴNG**

*Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Phạm Minh Thông**

Hội thẩm nhân dân: Ông **Phạm Xoa** và ông **Nguyễn Xuân Tùng**

*Thư ký phiên tòa:* Bà **Nguyễn Thị Anh Đào** - Thư ký Tòa án nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Hải Châu tham gia phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Ly Na** - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Hải, thành phố Đà Nẵng tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 89/2024/TLST-DS ngày 11/3/2024 về việc "Tranh chấp hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 50/2024/QĐXXST-DS ngày 18/7/2024; Quyết định hoãn phiên tòa số: 50/2024/QĐST-DS ngày 06/8/2024, giữa:

1. Nguyên đơn: **Ngân hàng TMCP K**. Trụ sở: 40 - 42 - D P, phường V, thành phố R, tỉnh Kiên Giang. Người đại diện theo ủy quyền là ông Nguyễn Văn T. Chức vụ: Chuyên viên Xử lý nợ T1 và Tài chính vi mô - Phòng xử lý nợ - Ngân hàng TMCP K. Địa chỉ: A - A N, phường V, quận T, thành phố Đà Nẵng. Quyết định ủy quyền số: 3368A/QĐ-NHKL ngày 21.08.2023 và Quyết định ủy quyền số: 3586/QĐ-NHKL ngày 11.9.2023 (có mặt).

2. Bị đơn: Ông **Nguyễn Xuân T2** - Sinh năm 1972. Địa chỉ: K H, tổ C, phường B, quận H, thành phố Đà Nẵng (vắng mặt).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện đề ngày 29.12.2023 và lời khai trong quá trình tố tụng, nguyên đơn là Ngân hàng TMCP K trình bày:*

Vào ngày 11/04/2017, ông Nguyễn Xuân T2 có ký với Ngân hàng TMCP K (sau đây gọi là Ngân hàng) Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng quốc tế (Giấy đăng ký phát hành thẻ kèm hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng quốc tế K1) số

20017097000190. Căn cứ thu nhập của ông Nguyễn Xuân T2, Ngân hàng đã đồng ý cấp thẻ tín dụng có hạn mức sử dụng là 50.000.000 đồng với mục đích tiêu dùng; lãi suất cho vay và lãi suất quá hạn là 22%/năm; Điều kiện áp dụng: Theo Bảng chấp thuận về điều khoản và điều kiện sử dụng thẻ tín dụng quốc tế K1. Sau khi được cấp thẻ tín dụng, ông Nguyễn Xuân T2 đã thường xuyên không thực hiện thanh toán theo đúng quy định của sản phẩm thẻ tín dụng quốc tế K1, Ngân hàng đã nhiều lần làm việc và thông báo đến khách hàng nhưng ông Nguyễn Xuân T2 vẫn không thực hiện đúng. Từ ngày 10/02/2018 đến nay, ông T2 đã không thanh toán bất kỳ khoản nào cho Ngân hàng. Vì vậy, Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và thực hiện tính lãi từ thời điểm trên. Tạm tính đến ngày 22/8/2024, dư nợ thẻ của ông T2 lại K1 cụ thể là:

+ Nợ gốc còn lại: 49.869.872 đồng.

+ Lãi phát sinh: 76.869.960 đồng; phí phạt chậm trả 47.072.313 đồng; phí phạt vượt hạn mức: 96.502.463 đồng

Tổng cộng: 270.314.608 đồng

Vì vậy, Ngân hàng khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Nguyễn Xuân T2 phải thanh toán cho Ngân hàng số tiền còn nợ như đã nêu trên và phải trả tiền lãi, phí phát sinh, kể từ ngày 23.8.2024 cho đến khi trả xong nợ theo thỏa thuận tại Hợp đồng.

Bị đơn ông Nguyễn Xuân T2 đã được Tòa án thông báo về việc thụ lý vụ án; thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải theo quy định nhưng ông Nguyễn Xuân T2 không có ý kiến phản hồi về yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP K và cũng không đến Tòa án để giải quyết vụ việc.

*Tại phiên tòa:*

Nguyên đơn Ngân hàng TMCP K giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Bị đơn ông Nguyễn Hữu Q đã được triệu tập để tham gia tố tụng nhưng vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Hải Châu phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án và tại phiên tòa, những người tiến hành tố tụng đã tuân thủ đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về việc chấp hành pháp luật tố tụng: Các đương sự đã được đảm bảo các quyền và thực hiện đúng nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung giải quyết: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP K. Buộc ông Nguyễn Xuân T2 phải trả cho Ngân hàng TMCP K số tiền là 173.812.145 đồng (trong đó nợ gốc 49.869.872 đồng, tiền lãi 76.869.960 đồng, phí phạt chậm trả là 47.072.313 đồng). Không chấp

nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP K đối với yêu cầu thanh toán tiền phí vượt hạn mức là 96.502.463 đồng.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:*

#### [1] Về tố tụng:

[1.1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Ngân hàng TMCP K khởi kiện yêu cầu ông Nguyễn Xuân T2 thanh toán nợ theo Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng. Đây là tranh chấp về hợp đồng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015. Ông Nguyễn Xuân T2 có nơi cư trú tại quận H, thành phố Đà Nẵng. Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng.

[1.2] Về sự vắng mặt của đương sự: Bị đơn ông Nguyễn Hữu Q đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai để tham gia tố tụng tại phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ các Điều 227 và 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo thủ tục chung.

#### [2] Về nội dung:

[2.1] Về việc xác lập hợp đồng: Giấy đăng ký phát hành kèm hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng quốc tế số: 20017097000190 ngày 11/4/2017 (bao gồm Bản chấp thuận về điều khoản và điều kiện sử dụng thẻ tín dụng quốc tế K1) mà ông Nguyễn Xuân T2 ký với Ngân hàng TMCP K thỏa mãn các điều kiện có hiệu lực của hợp đồng dân sự theo quy định tại các Điều 117, 119 của Bộ luật Dân sự năm 2015 và phù hợp với quy định của Luật các Tổ chức tín dụng tại thời điểm ký kết nên có hiệu lực pháp luật đối với các bên tham gia quan hệ hợp đồng.

#### [2.2] Xét yêu cầu thanh toán nợ của Ngân hàng TMCP K:

##### [2.2.1] Đối với tiền nợ gốc, tiền lãi và phí phạt chậm trả:

Mặc dù ông Nguyễn Xuân T2 vắng mặt và không có ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP K. Tuy nhiên căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ do Ngân hàng TMCP K2. Hội đồng xét xử xét thấy: Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng quốc tế (loại thẻ Visa credit Classic) mà ông Nguyễn Xuân T2 ký với Ngân hàng có mục đích tiêu dùng với hạn mức 50.000.000 đồng; lãi suất và lãi suất quá hạn là 22%/năm; phí phạt chậm trả bằng 50% lãi suất quá hạn (tương ứng 3,5% số tiền chậm trả, tối thiểu là 50.000 đồng và tối đa là 630.000 đồng); thời hạn thanh toán, số tiền thanh toán được thực hiện theo thông báo của Ngân hàng TMCP K. Quá

trình sử dụng thẻ tín dụng, ông T2 đã thực hiện các giao dịch bằng thẻ tín dụng tổng cộng là 227.030.500 đồng; đã thanh toán số tiền gốc là 177.160.628 đồng, tiền lãi là 3.508.623 đồng và tiền phí phạt chậm trả là 355.751 đồng.

Do ông Nguyễn Xuân T2 vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên Ngân hàng TMCP K đã tạm ngừng quyền sử dụng thẻ và yêu cầu thanh toán nợ là đúng với quy định tại khoản 6.2 Điều 6; điểm i khoản 11.1 Điều 11 của Bản chấp thuận về điều khoản và điều kiện sử dụng thẻ tín dụng quốc tế K1. Tính đến ngày 22.8.2024, ông Nguyễn Xuân T2 còn nợ Ngân hàng TMCP K số tiền là 173.812.145 đồng (trong đó nợ gốc 49.869.872 đồng, tiền lãi 76.869.960 đồng, phí phạt chậm trả là 47.072.313 đồng). Căn cứ vào thỏa thuận của các bên tại Điều 4 và khoản 6.2 Điều 6 của Bản chấp thuận về điều khoản và điều kiện sử dụng thẻ tín dụng quốc tế K1 thì ông Nguyễn Xuân T2 đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán. Việc Ngân hàng TMCP K khởi kiện yêu cầu ông T2 phải thanh toán nợ là phù hợp với quy định tại khoản Điều 103 Luật các Tổ chức tín dụng năm 2024 và Điều 463, 466 của Bộ luật Dân sự 2015 cần được chấp nhận. Vì vậy, buộc ông Nguyễn Xuân T2 phải trả cho Ngân hàng TMCP K số tiền tính đến ngày 22.8.2024 là 173.812.145 đồng và phải tiếp tục trả tiền lãi, phí phát sinh kể từ ngày 23.8.2024 cho đến khi thanh toán xong nợ theo thỏa thuận tại Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng quốc tế ký kết ngày 11/4/2017.

#### [2.2.2] Đối với tiền phí phạt vượt hạn mức:

Tại khoản 1.8 Điều 1 của Bản chấp thuận về điều khoản và điều kiện sử dụng thẻ tín dụng quốc tế K1 về giải thích từ ngữ thì hạn mức Thẻ tín dụng (HMTTD): *“Là mức tín dụng tối đa được duy trì trong một thời hạn nhất định mà K1 cấp cho chủ thẻ”*.

Tại Điều 2 của Bản chấp thuận về điều khoản và điều kiện sử dụng thẻ tín dụng quốc tế K1 quy định:

*2.1 Mỗi Thẻ được cấp một hạn mức Thẻ tín dụng áp dụng đối với các giao dịch thanh toán hàng hóa, dịch vụ và ứng tiền mặt. Đối với giao dịch ứng tiền mặt, hạn mức tiền mặt có thể bằng hoặc nhỏ hơn HMTD.*

...

*2.4 Việc sử dụng Thẻ của Chủ thẻ có thể phát sinh các khoản phí, lãi dẫn đến dư nợ vượt HMTD được cấp và Chủ thẻ có nghĩa vụ phải thanh toán phần dư nợ vượt hạn mức này theo quy định của K1”*.

Hạn mức thẻ tín dụng mà ông Nguyễn Xuân T2 được cấp là 50.000.000 đồng. Từ khi sử dụng thẻ tính đến thời điểm bị tạm ngừng (khóa) quyền sử dụng thẻ (10/02/2018) thì ông Nguyễn Xuân T2 còn số tiền nợ gốc là 49.869.872 đồng và chưa phát sinh phí vượt hạn mức. Theo thỏa thuận tại khoản 2.4 Điều 2 của Bản

chấp thuận về điều khoản và điều kiện sử dụng thẻ tín dụng quốc tế K1 thì ông Nguyễn Xuân T2 phải thanh toán tiền gốc, tiền lãi và tiền phạt chậm trả. Các khoản này cộng lại nếu vượt quá HMTD (hạn mức tín dụng) thì ông Nguyễn Xuân T2 phải thanh toán phần dư vượt hạn mức này cho Ngân hàng TMCP K. Nội dung này đã được giải quyết tại mục [2.2.1] như đã nêu trên.

Tại khoản 2 Điều 91 Luật các Tổ chức tín dụng năm 2010 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) quy định: *“Tổ chức tín dụng và khách hàng có quyền thỏa thuận về lãi suất, phí cấp tín dụng trong hoạt động ngân hàng của tổ chức tín dụng theo quy định của pháp luật”*.

Tại khoản 1 Điều 5 Thông tư số: 19/2016/TT-NHNN ngày 30.6.2016 của Ngân hàng N về hoạt động thẻ ngân hàng quy định: *“Chỉ TCPHT được thu phí của chủ thẻ. TCPHT thu phí theo Biểu phí dịch vụ thẻ của tổ chức mình và không được thu thêm bất kỳ loại phí nào ngoài Biểu phí đã công bố. Biểu phí dịch vụ thẻ phải nêu rõ các loại phí, mức phí áp dụng cho từng loại thẻ và dịch vụ thẻ. Biểu phí dịch vụ thẻ của TCPHT phải phù hợp với quy định của pháp luật...”*

Tại điểm f khoản 3.3 Điều 3 Bản chấp thuận về điều khoản và điều kiện sử dụng thẻ tín dụng quốc tế K1 quy định: *“**Phí sử dụng vượt hạn mức: Được tính một lần/kỳ khi Chủ thẻ sử dụng vượt quá HMTD được cấp**”*. Xét thấy, ông Nguyễn Xuân T2 không được quyền sử dụng thẻ, kể từ ngày 10/02/2018 nhưng Ngân hàng TMCP K vẫn tính phí sử dụng vượt hạn mức phát sinh sau thời điểm bị ngừng thẻ (11/4/2020) là không phù hợp. Mặt khác, Ngân hàng TMCP K cộng các khoản nợ gốc, tiền lãi, phí phạt chậm trả (là khoản nợ phải thanh toán) để xác định Chủ thẻ sử dụng vượt hạn mức và tính phí sử dụng vượt hạn mức đối với ông Nguyễn Xuân T2 là thực hiện chưa đúng thỏa thuận (khi Chủ thẻ sử dụng vượt quá HMTD) tại điểm f khoản 3.3 Điều 3 của Bản chấp thuận về điều khoản và điều kiện sử dụng thẻ tín dụng quốc tế K1.

Theo Điều 12 Nghị quyết số: 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11.01.2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao về hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm thì:

1. *Hợp đồng vay tài sản có thỏa thuận xử lý đối với hành vi không trả nợ đúng hạn của bên vay thì Tòa án xem xét, quyết định theo nguyên tắc chỉ xử lý một lần đối với mỗi hành vi không trả nợ đúng hạn.*

2. *Hợp đồng vay tài sản vừa có thỏa thuận phạt vi phạm, vừa có thỏa thuận lãi trên nợ gốc quá hạn hoặc hình thức khác áp dụng đối với hành vi không trả nợ đúng hạn của bên vay thì Tòa án căn cứ quy định tương ứng của Bộ luật Dân sự, Luật Các Tổ chức tín dụng và văn bản quy phạm pháp luật quy định chi tiết, hướng dẫn áp dụng Bộ luật Dân sự, Luật Các tổ chức tín dụng tại thời điểm xác lập hợp*

*đồng, thời điểm tính lãi suất để xem xét, quyết định xử lý đối với hành vi không trả nợ đúng hạn theo nguyên tắc hướng dẫn tại khoản 1 Điều này”.*

Xét thấy, phát hành thẻ tín dụng là hoạt động của ngân hàng thương mại theo quy định của Luật các tổ chức tín dụng. Việc áp dụng các loại phí, mức phí của từng loại thẻ và dịch vụ thẻ phải phù hợp với quy định của pháp luật. Ngân hàng TMCP K đã tính phí phạt chậm trả của số tiền chậm trả và cộng phí phạt chậm trả với tiền nợ gốc, tiền lãi để tính phí phạt sử dụng vượt hạn mức đối với ông Nguyễn Xuân T2. Cách tính phí hai lần trên một hành vi vi phạm như vậy là không đúng nguyên tắc xử lý theo quy định nêu trên của pháp luật. Do đó, Hội đồng xét xử không có cơ sở để chấp nhận phần yêu cầu thanh toán tiền phí phạt vượt hạn mức của Ngân hàng TMCP K với số tiền là 96.502.463 đồng.

[3] Về án phí: Căn cứ Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30.12.2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu và quản lý sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Do một phần yêu cầu của Ngân hàng TMCP K được chấp nhận nên ông Nguyễn Xuân T2 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm tính trên số tiền phải thanh toán. Đối với phần yêu cầu không được chấp nhận, Ngân hàng TMCP K phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

[4] Xét quan điểm của Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân quận Hải Châu về việc giải quyết vụ án phù hợp với quy định của pháp luật cũng như nhận định của Hội đồng xét xử cần được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

### **QUYẾT ĐỊNH:**

- Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; các Điều 227, 228, 266, 269 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào khoản 2 Điều 91 và Điều 95 Luật các Tổ chức tín dụng năm 2010 (sửa đổi, bổ sung năm 2017);

- Căn cứ Điều 100, 103 và 209 Luật các Tổ chức tín dụng năm 2024;

- Căn cứ vào Điều 463 và 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30.12.2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu và quản lý sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện về “*Tranh chấp hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng*” của Ngân hàng TMCP K đối với ông Nguyễn Xuân T2.

Buộc ông Nguyễn Xuân T2 phải thanh toán cho Ngân hàng TMCP K số tiền tính đến ngày 22.8.2024 là 173.812.145 đồng (trong đó nợ gốc 49.869.872 đồng, tiền lãi 76.869.960 đồng, phí phạt chậm trả là 47.072.313 đồng)..

Kể từ ngày 23.8.2024, ông Nguyễn Xuân T2 còn phải tiếp tục trả tiền lãi, phí phát sinh theo thỏa thuận tại Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng quốc tế ký kết ngày 11/4/2017 cho đến khi trả xong nợ. Trường hợp trong hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

2. Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP K về việc yêu cầu ông Nguyễn Xuân T2 phải thanh toán số tiền phí phạt vượt hạn mức là 96.502.463 đồng.

3. Về án phí:

Án phí dân sự sơ thẩm ông Nguyễn Xuân T2 phải chịu là 8.690.607 đồng.

Án phí dân sự sơ thẩm Ngân hàng TMCP K phải chịu là 4.825.123 đồng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 6.309.059 đồng theo Biên lai thu số: 0000028 ngày 11.3.2024 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng. Hoàn trả cho Ngân hàng TMCP K số tiền 1.483.936 đồng.

4. Về quyền kháng cáo:

Nguyên đơn Ngân hàng TMCP K có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn ông Nguyễn Xuân T2 vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

*Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.*

## **HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**

**Thành viên Hội đồng xét xử**

**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

*Nơi nhận:*

- Đương sự;
- VKSND quận Hải Châu;
- Chi cục THADS quận Hải Châu;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Phạm Minh Thông**